

Số: 07/2025/QĐST- HNGĐ

N....., ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1984;

Bị đơn: Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57; 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mai Thị T, sinh năm 1984 và anh Đỗ Văn M, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Đỗ Văn M đồng ý thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M chấm dứt kể từ ngày ra quyết định.

- Về con chung: Chị Mai Thị Trang và anh Đỗ Văn M có 03 con chung là Đỗ Thị Tuyết M, sinh ngày 30/12/2004; Đỗ Thị Kim O, sinh ngày 25/10/2006; Đỗ Nhật L, sinh

ngày 04/09/2008. Cháu Đỗ Thị Tuyết M và cháu Đỗ Thị Kim O đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Đỗ Nhật L có nguyện vọng được ở với bố Đỗ Văn M. Giao cháu Đỗ Nhật L cho anh Đỗ Văn M nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L thành niên và có khả năng lao động. Chị Mai Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Thị T và anh Đỗ Văn M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chuyển số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Mai Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 Số: 0002169 ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện N;
- Chi cục THA dân sự huyện N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen